

Bản án số: **11/2020/HS-ST**

Ngày: 20-8-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ly.

Ông Lý Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Võ Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Danh P, sinh năm 1968, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh T và bà Lâm Thị C; có vợ Thạch Thị T1 (đã ly hôn và đã chết) và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 05-3-2008, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 24 tháng tù về trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07-11-2009, còn án phí đến nay chưa nộp (chưa xóa án tích); có nhân thân xấu, vào ngày 22-01-1997, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản công dân và vào ngày 04-8-1998, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản công dân; bị tạm giữ từ ngày 09-5-2020, sau đó chuyển qua tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn N, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng, bào chữa cho bị cáo Danh P. (có mặt)

- *Bị hại:* Ông Lê Quốc T2, sinh năm 1970; cư trú tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nhâm O, sinh năm 1978; cư trú tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông Nhâm E, sinh năm 1977; cư trú tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Ông Nhâm T3, sinh năm 1980; cư trú tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Thạch T4, sinh năm 1966; cư trú tại ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08-02-2019, bị cáo Danh P đến quán cà phê T5, ở thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang để uống cà phê và xem phim. Sau đó đến khoảng 21 giờ cùng ngày, P đi bộ về hướng Nông trường 01 tháng 5, đến nhà ông M, mục đích là bắt gà đá của ông M để bán lấy tiền đi thành phố nhưng không bắt được gà. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, P nhìn thấy trong trại ghe nhà của ông Lê Quốc T2, ở ấp T, xã L, huyện M có đậu một chiếc xuồng composite màu xanh, trên xuồng có một máy xăng hiệu Honda màu đỏ và một bình ắc quy loại 100 ampe nhưng không có người trông coi. Lúc này, P nảy sinh ý định lấy trộm số tài sản trên, P đi đến mở sợi dây buộc xuồng rồi bơi xuồng về hướng chợ B và bơi đến nhà ông Thạch T4, ở ấp H, thị trấn B, huyện P để gửi xuồng, máy nhưng ông T4 không đồng ý. P tiếp tục bơi xuồng về hướng thị trấn H, huyện M. Đến sáng ngày 09-02-2019, khi đến nhà ông Nhâm E, ở ấp T, xã M, huyện M, P bán xuồng cho ông E với giá 600.000 đồng, đồng thời bán máy xăng Honda cho ông Nhâm O với giá 300.000 đồng, bán bình ắc quy cho ông Nhâm T3 với giá 250.000 đồng, sau đó P đi xe ôm về thị trấn B và tiêu xài hết 240.000 đồng, còn lại 910.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông T2 đến Công an xã L, huyện M trình báo sự việc. Nghi vấn P có liên quan đến vụ việc nên Công an xã mời P về trụ sở làm việc. Qua làm việc, P đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên và giao nộp lại số tiền 910.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số: 09/KLĐGTS.HĐ-ĐGTS ngày 07-3-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự do Ủy ban nhân dân huyện M thành lập kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xuồng composite có giá trị là 2.430.000 đồng, máy xăng nhãn hiệu Honda 5,5HP có giá trị 450.000 đồng và

bình ắc quy loại 100 ampe, nhãn hiệu Đồng Nai có giá trị 1.295.000 đồng. Tổng giá trị tài sản P chiếm đoạt của ông T2 là 4.175.000 đồng.

Sau khi bị khởi tố, P đã bỏ trốn nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã ra quyết định truy nã, sau đó ra quyết định tạm đình chỉ điều tra. Đến ngày 09-5-2020, Công an bắt được P và phục hồi điều tra.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú có thu giữ 01 chiếc xuồng composite, 01 máy xăng hiệu Honda 5,5HP, 01 bình ắc quy loại 100 ampe, nhãn hiệu Đồng Nai, số tiền Việt Nam 910.000 đồng và đã xử lý, trả xuồng, máy, bình ắc quy cho ông T2, trả cho ông E 500.000 đồng, ông O 200.000 đồng và ông T3 210.000 đồng.

Về bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản nên không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSMT ngày 08-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Danh P về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo P đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố. Hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Bị cáo P là người có nhân thân xấu, đã 03 lần bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản. Đồng thời, bị cáo cũng có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo P từ 02 năm tù đến 03 năm tù. Về bồi thường thiệt hại, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng, trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã xử lý xong nên cũng đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí hình sự sơ thẩm, đề nghị buộc bị cáo chịu án phí là 200.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo P trình bày bào chữa: Thống nhất với điều, khoản, tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo và thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo P. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người dân tộc khmer lại không biết chữ nên sự nhận thức pháp luật có phần hạn chế, tại phiên tòa bị hại cũng thông cảm, tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được

sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về mức hình phạt tù mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo P là quá nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo 01 năm tù là tương xứng và thể sự khoan hồng của Nhà nước, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

- Bị cáo P thống nhất với lời trình bày bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, không có ý kiến gì bổ sung thêm.

- Bị hại T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông O, ông E không có yêu cầu gì thêm và ông T2 cũng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt tù cho bị cáo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo P: Xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nhâm T3 vắng mặt và người làm chứng là ông Thạch T4 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên, người bào chữa đề nghị xét xử vắng mặt những người này, còn bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án thì không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình điều tra, ông T3 và ông T4 đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa, vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo P đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 23 giờ ngày 08-02-2019, bị cáo P một mình đi đến trại ghe nhà ông Lê Quốc T2, ở ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, lén lút lấy trộm của ông T2 một chiếc xuồng composite màu xanh, trên xuồng có một máy xăng hiệu Honda màu đỏ 5,5HP và một bình ắc quy loại 100 ampe hiệu Đồng Nai, sau đó đem đến ấp T, xã M, huyện M bán lại ông Nhâm E, Nhâm O và Nhâm T3 để

lấy tiền tiêu xài. Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự do Ủy ban nhân dân huyện M thành lập thì tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe composite có giá trị là 2.430.000 đồng, máy xăng nhãn hiệu Honda 5,5HP có giá trị 450.000 đồng và bình ắc quy loại 100 ampe, nhãn hiệu Đồng Nai có giá trị 1.295.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản mà P chiếm đoạt của ông T2 là 4.175.000 đồng.

[4] Như vậy, với hành vi nêu trên, bị cáo P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khoản 1 của Điều này quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo P tuy có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, nhưng cũng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân, đồng thời bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã 03 lần phạm tội trộm cắp tài sản và đều bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt tù, trong đó có lần gần nhất là vào năm 2008 đến nay chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm, lao động chân chính, làm người có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo là thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần thiết phải xử lý thật nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian hợp lý, để nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, cũng như giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa đấu tranh và chống tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc khmer lại không biết chữ nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, gia đình bị cáo có công với cách mạng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đồng thời bị hại cũng tha thiết xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ này và cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, làm người tốt, có ích cho xã hội.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt tù đối với bị cáo P là có căn cứ và tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Về mức hình phạt tù, người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo P 01 năm tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của hành vi của bị cáo, không đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên đề nghị này không được chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Hội đồng xét xử thấy, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo thì bị cáo là người làm thuê, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, bị hại T2, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông E, ông O và ông T3 đã nhận lại được tài sản, các ông không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “*Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án. Mức án phí và căn cứ áp dụng được ghi rõ trong bản án, quyết định của Tòa án*” và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm*”. Như vậy, bị cáo P là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Danh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Phạt bị cáo Danh P **02** (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (tức ngày 09 tháng 5 năm 2020).

2. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét.

3. Về bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Lê Quốc T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nhâm E, ông Nhâm O và ông Nhâm T3 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Danh P chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; trường hợp những người này vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 (mười lăm) ngày, được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLVN liên quan:
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm